

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Cẩm Thạch, ngày tháng 6 năm 2026

PHIẾU LẤY Ý KIẾN CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ
VỀ NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ QUY HOẠCH CHUNG XÂY DỰNG
XÃ CẨM BÌNH, HUYỆN CẨM THỦY ĐẾN NĂM 2030
(NAY THUỘC XÃ CẨM THẠCH, TỈNH THANH HÓA)

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ VIỆC LẤY Ý KIẾN

1. Thông tin về đơn vị tổ chức lấy ý kiến:

1.1. Đơn vị có trách nhiệm lấy ý kiến:

Cơ quan, tổ chức có trách nhiệm tổ chức lập hồ sơ điều chỉnh cục bộ quy hoạch tổ chức lấy ý kiến về nội dung và kế hoạch điều chỉnh cục bộ quy hoạch đối với cộng đồng dân cư trong khu vực dự kiến điều chỉnh quy hoạch và các khu vực xung quanh chịu ảnh hưởng trực tiếp: Ban Quản lý dự án lập quy hoạch xây dựng xã Cẩm Thạch.

1.2. Đơn vị có trách nhiệm phối hợp lấy ý kiến:

- UBND xã Cẩm Thạch.
- Đơn vị tư vấn: Công ty cổ phần tư vấn đầu tư và xây dựng Đức Phong.

2. Thông tin về người góp ý kiến:

Họ và tên:

Địa chỉ:

Điện thoại: Email (nếu có):

Tên cơ quan, tổ chức (nơi công tác nếu có):

Chức vụ

3. Dự thảo quy hoạch:

- Tên quy hoạch: Điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chung xây dựng xã Cẩm Bình, huyện Cẩm Thủy đến năm 2030 (nay thuộc xã Cẩm Thạch, tỉnh Thanh Hóa) .

- Vị trí, phạm vi, ranh giới: Thuộc địa giới hành chính của xã Cẩm Thạch.

4. Hình thức, thời gian, trình tự, thủ tục, nội dung, hồ sơ lấy ý kiến:

4.1. Hình thức: Thực hiện bằng một, một số hoặc các hình thức sau.

- Gửi hồ sơ, tài liệu để lấy ý kiến của người dân bằng văn bản trực tiếp.
- Niêm yết, trưng bày tại nơi công cộng để tiếp nhận ý kiến của người

dân: Tại hội trường UBND xã Cẩm Thạch và nhà văn hoá các thôn.

4.2. Thời gian: Lấy ý kiến ít nhất là 20 ngày và không quá 30 ngày kể từ ngày công khai nội dung lấy ý kiến.

- Thời gian lấy ý kiến từ ngày 03/6/2026 đến ngày 23/6/2026

- Đến ngày/...../..... đã nhận được đầy đủ ý kiến của cộng đồng dân cư.

4.3. Trình tự, thủ tục: Thực hiện theo quy định về việc Nhân dân tham gia ý kiến quy định tại pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở.

4.4. Nội dung lấy ý kiến:

(Cụ thể tại phụ lục kèm theo)

4. Hồ sơ lấy ý kiến: Gồm thuyết minh tóm tắt; các bản vẽ theo quy định.

II. Ý KIẾN GÓP Ý

1. Ý kiến góp ý *(đề nghị ghi rõ, cụ thể các ý kiến góp ý cho dự thảo quy hoạch)*

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

2. Không có ý kiến *(nếu không có ý kiến góp ý, đề nghị ghi rõ Không có ý kiến)*

.....
.....

NGƯỜI LẤY Ý KIẾN
(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI GÓP Ý KIẾN
(Ký, ghi rõ họ tên)

PHỤ LỤC: THÔNG TIN VỀ ĐỒ ÁN ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ QUY HOẠCH

1. Phạm vi, quy mô điều chỉnh

- Phạm vi điều chỉnh: Thuộc địa giới hành chính của xã Cẩm Thạch.
- Quy mô điều chỉnh cục bộ khoảng 6,0 ha.

2. Nội dung điều chỉnh cục bộ:

- Nội dung 1: Bổ sung đất Cơ sở sản xuất kinh doanh (ký hiệu SKC-09, SKC-10) tại vị trí tiếp giáp với khu vực nhà máy sản xuất hiện trạng (ký hiệu SKC-04) nhằm hình thành khu sản xuất tập trung. Sau khi điều chỉnh đất Cơ sở sản xuất kinh doanh tăng thêm 4,54ha, đất sản xuất nông nghiệp giảm đi 4,54ha.

Lý do: Hiện nay trên địa bàn đã hình thành cơ sở sản xuất công nghiệp đang hoạt động ổn định, tạo việc làm và đóng góp tích cực vào sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Tuy nhiên, quỹ đất sản xuất công nghiệp theo quy hoạch chưa đáp ứng được nhu cầu mở rộng sản xuất và định hướng phát triển trong thời gian tới. Việc bổ sung đất sản xuất kinh doanh (công nghiệp) tại khu vực đã có nhà máy hiện trạng nhằm tạo điều kiện mở rộng quy mô sản xuất, thu hút đầu tư và phát huy hiệu quả hệ thống hạ tầng hiện có. Đồng thời, việc tập trung quỹ đất công nghiệp tại một khu vực sẽ hình thành cụm sản xuất tập trung, thuận lợi cho công tác quản lý, đầu tư hạ tầng kỹ thuật, bảo vệ môi trường và sử dụng đất hiệu quả hơn, tránh tình trạng bố trí các cơ sở sản xuất phân tán, manh mún trong khu dân cư và trên địa bàn xã.

Nội dung điều chỉnh phù hợp với điều kiện điều chỉnh quy hoạch tại Khoản 5, Điều 45 Luật quy hoạch đô thị và nông thôn số 47.

- Nội dung 2: Hoán đổi vị trí đất bãi tập kết rác (ký hiệu RAC1) với một phần đất nông nghiệp khác (ký hiệu NKH-04) để di chuyển bãi tập kết rác đến vị trí mới phù hợp hơn. Sau khi điều chỉnh đất Trạm trung chuyển, tập kết rác RAC1 tăng từ 0,5ha lên 1,0 ha, đất nông nghiệp khác NKH-04 giảm từ 46,13 ha còn 44,744 ha.

Lý do: Qua rà soát hiện trạng và đánh giá nhu cầu phát triển không gian của địa phương, vị trí bãi tập kết rác theo quy hoạch đã được phê duyệt nằm tương đối gần khu dân cư và các khu vực có định hướng phát triển trong tương lai, tiềm ẩn nguy cơ ảnh hưởng đến môi trường, cảnh quan và chất lượng sống của người dân. Để nâng cao hiệu quả công tác bảo vệ môi trường, giảm thiểu các tác động bất lợi từ hoạt động thu gom, tập kết chất thải rắn sinh hoạt, đồng thời bảo đảm khoảng cách ly vệ sinh theo quy định, cần thiết thực hiện hoán đổi vị trí đất bãi tập kết rác với một khu đất nông nghiệp khác có điều kiện phù hợp hơn. Vị trí mới được lựa chọn nằm xa khu dân cư, thuận lợi cho công tác quản lý, vận chuyển và xử lý chất thải, góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng đất và đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững của địa phương.

Nội dung điều chỉnh phù hợp với điều kiện điều chỉnh quy hoạch tại Khoản 5, Điều 45 Luật quy hoạch đô thị và nông thôn số 47.

3. Cơ cấu quy hoạch sử dụng đất sau điều chỉnh cục bộ:

Với các nội dung điều chỉnh nêu trên sẽ có sự biến động về diện tích các chức năng sử dụng đất, cụ thể như sau:

a) Bảng biến động sử dụng đất sau điều chỉnh cục bộ so với năm 2025:

STT	Mục đích sử dụng đất	Ký hiệu	Đến năm 2025			Đến năm 2030		
			QHPD 2025	ĐCCB 2026	Tăng (+)/ giảm(-)	QHPD 2025	ĐCCB 2026	Tăng (+)/ giảm(-)
1	Đất ở mới	PT	11,77	11,77		14,67	14,67	
2	Đất ở hiện trạng	HT	384,73	384,73		384,73	384,73	
3	Đất công cộng	CC	17,17	17,17		17,17	17,17	
3,1	Đất công cộng		5,94	5,94		5,94	5,94	
3,2	Đất giáo dục		4,92	4,92		4,92	4,92	
3,3	Đất dịch vụ thương mại	TM	2,13	2,13		2,13	2,13	
3,4	Đất cây xanh - TDTT	TDTT	4,09	4,09		4,09	4,09	
3,5	Đất tôn giáo tín ngưỡng	TIN	0,09	0,09		0,09	0,09	
4	Trạm trung chuyển, tập kết rác	RAC	1,08	1,58	0,5	1,08	1,58	0,5
5	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	ND	15,8	15,8		15,8	15,8	
6	Đất nuôi trồng thủy hải sản	NTS	28,14	28,14		28,14	28,14	
7	Đất mặt nước	MN	86,08	86,08		86,08	86,08	
8	Hành lang bảo vệ mặt nước	HLBV	9,2	9,2		9,2	9,2	
9	Đất Rừng phòng hộ	RPH	519,49	519,49		519,49	519,49	
10	Đất nông nghiệp	LUA	534,97	530,43	-4,54	534,97	530,43	-4,54
11	Đất nông nghiệp khác	NKH	302,58	302,08	-0,5	302,58	302,08	-0,5
12	Đất rừng sản xuất	RSX	872,16	872,16		872,16	872,16	
13	Đất chưa sử dụng	DT	25,38	25,38		25,38	25,38	
14	Đất khoáng sản - VLXD		9,56	9,56		9,56	9,56	
15	Cơ sở sản xuất kinh doanh		14,56	19,1	4,54	14,56	19,1	4,54
16	Thủy điện Cẩm Thủy		73,85	73,85		73,85	73,85	
17	Đất trạm biến áp 35KV	TBA	1,35	1,35		1,35	1,35	
18	Đất quốc phòng	QP	8,41	8,41		8,41	8,41	
19	Đất giao thông	GT	179,27	179,27		176,37	176,37	
	Tổng		3086,35	3086,35		3086,35	3086,35	

b) Tổng hợp quy hoạch sử dụng đất sau điều chỉnh cục bộ:

STT	Mục đích sử dụng đất	Ký hiệu	Đến năm 2025		Đến năm 2030	
			Diện tích (Ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (Ha)	Tỷ lệ (%)
1	Đất ở mới	PT	11,77	0,38	14,67	0,48
2	Đất ở hiện trạng	HT	384,73	12,47	384,73	12,47
3	Đất công cộng	CC	17,17	0,56	17,17	0,56
3,1	Đất công cộng		5,94	0,19	5,94	0,19
3,2	Đất giáo dục		4,92	0,16	4,92	0,16
3,3	Đất dịch vụ thương mại	TM	2,13	0,07	2,13	0,07
3,4	Đất cây xanh - TDTT	TDTT	4,09	0,13	4,09	0,13
3,5	Đất tôn giáo tín ngưỡng	TIN	0,09	0	0,09	0
4	Trạm trung chuyển, tập kết rác	RAC	1,58	0,05	1,58	0,05
5	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	ND	15,8	0,51	15,8	0,51
6	Đất nuôi trồng thủy hải sản	NTS	28,14	0,91	28,14	0,91
7	Đất mặt nước	MN	86,08	2,79	86,08	2,79
8	Hành lang bảo vệ mặt nước	HLBV	9,2	0,3	9,2	0,3
9	Đất Rừng phòng hộ	RPH	519,49	16,83	519,49	16,83
10	Đất nông nghiệp	LUA	530,43	17,19	530,43	17,19
11	Đất nông nghiệp khác	NKH	302,08	9,79	302,08	9,79
12	Đất rừng sản xuất	RSX	872,16	28,26	872,16	28,3
13	Đất chưa sử dụng	DT	25,38	0,82	25,38	0,82
14	Đất khoáng sản - VLXD		9,56	0,31	9,56	0,31
15	Cơ sở sản xuất kinh doanh		19,1	0,62	19,1	0,62
16	Thủy điện Cẩm Thủy		73,85	2,39	73,85	2,39
17	Đất trạm biến áp 35KV	TBA	1,35	0,04	1,35	0,04
18	Đất quốc phòng	QP	8,41	0,27	8,41	0,27
19	Đất giao thông	GT	179,27	5,81	176,37	5,71
	Tổng		3086,35	100,0	3086,35	100,0

4. Tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan

Không gian kiến trúc cảnh quan khu vực điều chỉnh cục bộ thực hiện theo các khu chức năng tương ứng được quy định tại quy hoạch chung được duyệt.

5. Các nội dung khác:

Các nội dung khác của đồ án không điều chỉnh, giữ nguyên theo Quyết định số 2277/QĐ-UBND ngày 28 tháng 9 năm 2022 của UBND huyện Cẩm Thủy về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã Cẩm Bình, huyện Cẩm Thủy đến năm 2030; Quyết định số 149/QĐ-UBND ngày 21/01/2025 của UBND huyện Cẩm Thủy về việc Phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã Cẩm Bình, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hoá đến năm 2030.

Những nội dung đề nghị điều chỉnh cục bộ chức năng nêu trên không làm thay đổi quy mô dân số, diện tích lập quy hoạch và định hướng phát triển xã

theo quy hoạch được duyệt, đồng thời đảm bảo cho quy hoạch được thực hiện thuận lợi trong thực tế và mang lại hiệu quả, tính khả thi cao.